

Số: 13 /2012/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 6 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**VỀ VIỆC QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ CHO HUẤN LUYỆN VIÊN
VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN THỂ THAO TỈNH KHÁNH HÒA**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT/BTC-BVHTTDL ngày 07 tháng 11 năm 2011 của liên Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao;

Sau khi xem xét Tờ trình số 2253/TTr-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 07/BC-HĐND ngày 07 tháng 6 năm 2012 của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chế độ cho huấn luyện viên và vận động viên thể thao tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 08/2008/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về chế độ cho huấn luyện viên và vận động viên ngành thể dục thể thao; Nghị quyết số 06/2010/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Khánh Hòa sửa đổi Nghị quyết số 08/2008/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về chế độ cho huấn luyện viên và vận động viên ngành thể dục thể thao;

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này;

3. Khi chỉ số giá tiêu dùng tăng từ 20% trở lên theo thông báo của Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tình hình thực tế để điều chỉnh mức chi tiền ăn cho phù hợp và mức điều chỉnh tối đa không quá 1,5 lần so với mức Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành;

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa V, kỳ họp thứ 4 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh
- VP Tỉnh ủy, các ban Đảng;
- VP.Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VP.UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo (2 bản);
- Lưu VT, KN, TC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần An Khánh



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Chế độ cho huấn luyện viên
và vận động viên thể thao tỉnh Khánh Hòa

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13 /2012/NQ-HĐND
ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

I. Chế độ vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển tỉnh

1. Chế độ tiền ăn đối với vận động viên, huấn luyện viên

a) Trong thời gian tập trung tập luyện:

- Đội tuyển tỉnh: mức chi 130.000 đồng/người/ngày
- Đội tuyển trẻ: mức chi 100.000 đồng/người/ngày

b) Trong thời gian tập trung thi đấu:

- Đội tuyển tỉnh: mức chi 170.000 đồng/người/ngày
- Đội tuyển trẻ: mức chi 130.000 đồng/người/ngày

c) Chế độ tiền ăn thường xuyên:

- Đội tuyển tỉnh: mức chi 90.000 đồng/người/ngày
- Đội tuyển trẻ: mức chi 70.000 đồng/người/ngày
- Vận động viên kiện tướng và huấn luyện viên đào tạo trực tiếp vận động viên đạt cấp kiện tướng: mức chi 110.000 đồng/người/ngày

2. Chế độ tiền thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên khi lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu quốc tế

Vận động viên, huấn luyện viên khi lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu quốc tế thì ngoài tiền thưởng do Trung ương chi trả, tỉnh Khánh Hòa chi trả thêm chế độ tiền thưởng như sau:

TT	Thành tích	Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Phá kỷ lục
	Tên cuộc thi				
I	Đại hội, giải thể thao quy mô thế giới				
1	Đại hội Olympic	128	64	48	Được cộng thêm 48 triệu
2	Đại hội Olympic trẻ	48	24	20	Được cộng thêm 20 triệu
3	a) Giải vô địch thế giới hoặc cúp thế giới từng môn của các môn thể thao nhóm I (trong chương trình thi đấu của Olympic)	68	36	28	Được cộng thêm 44 triệu
	b) Giải vô địch thế giới hoặc cúp thế giới từng môn của các môn thể thao nhóm II (các môn thể thao còn lại)	48	28	24	Được cộng thêm 24 triệu
II	Đại hội, giải thể thao quy mô Châu lục				
1	Đại hội thể thao châu Á (ASIAD)	56	28	24	Được cộng thêm 20 triệu
2	Đại hội thể thao bãi biển châu Á, Đại hội thể thao Võ thuật - Trong nhà châu Á	40	20	16	Được cộng thêm 16 triệu
3	a) Giải vô địch châu Á hoặc cúp châu Á từng môn của các môn thể thao nhóm I (các môn thể thao trong chương trình thi đấu của Olympic)	48	24	20	Được cộng thêm 20 triệu
	b) Giải vô địch châu Á hoặc cúp châu Á từng môn của các môn thể thao nhóm II (các môn thi còn lại)	40	20	16	Được cộng thêm 16 triệu

III Đại hội, giải thể thao quy mô khu vực					
1	Đại hội thể thao Đông Nam Á	36	20	16	Được cộng thêm 12 triệu
2	a) Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao nhóm I (trong chương trình thi đấu của Olympic)	32	16	12	Được cộng thêm 12 triệu
	b) Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao nhóm II (các môn thể thao còn lại)	24	12	8	Được cộng thêm 8 triệu

II. Chế độ đối với huấn luyện viên và vận động viên nghiệp dư

1. Chế độ tiền ăn của huấn luyện viên, vận động viên các môn thể thao thi đấu giải vô địch trong hệ thống thi đấu giải Quốc gia:

a) Trong thời gian tập trung tập luyện:

- Đội tuyển tỉnh: mức chi 130.000 đồng/người/ngày
- Đội tuyển trẻ: mức chi 100.000 đồng/người/ngày

b) Trong thời gian tập trung thi đấu:

- Đội tuyển tỉnh: mức chi 170.000 đồng/người/ngày
- Đội tuyển trẻ: mức chi 130.000 đồng/người/ngày

2. Chế độ tiền thưởng

Huấn luyện viên, vận động viên thể thao nghiệp dư đạt huy chương tại các giải đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia thuộc hệ thống thi đấu thể thao thành tích cao; giải đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia tổ chức cấp khu vực, giải quốc tế mở rộng trong hệ thống thi đấu quốc gia được tổ chức tại Việt Nam hoặc quốc gia khác được hưởng chế độ tiền thưởng theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với các giải vô địch hoặc cúp thể thao từng môn khu vực Đông Nam Á, châu Á và Thế giới; Đại hội thể thao Đông Nam Á, châu Á và Thế giới; Đại hội thể thao bãi biển, đại hội thể thao võ thuật - trong nhà châu Á được áp dụng chế độ tiền thưởng quy định tại điểm 2, Mục I.

III. Tiền thưởng đối với các giải phong trào do tỉnh tổ chức:

1. Giải tập thể:

a) Bóng đá sân lớn:

- Giải nhất: 4.000.000 đồng
- Giải nhì: 3.000.000 đồng
- Giải ba: 2.000.000 đồng
- Giải phong cách: 1.000.000 đồng

b) Bộ môn bóng chuyên, bóng rổ, bóng ném, bóng đá mini:

- Giải nhất: 3.000.000 đồng
- Giải nhì: 2.000.000 đồng
- Giải ba: 1.500.000 đồng
- Giải phong cách: 700.000 đồng

2. Giải đồng đội:

a) Bộ môn võ thuật, bóng bàn, quần vợt, cầu lông, đá cầu, cầu mây, cờ và aerobic:

- Giải nhất: 1.500.000 đồng
- Giải nhì: 1.000.000 đồng
- Giải ba: 700.000 đồng

b) Bộ môn điền kinh, việt dã, thể dục thể hình:

- Giải nhất: 1.200.000 đồng
- Giải nhì: 900.000 đồng
- Giải ba: 600.000 đồng

3. Giải cá nhân:

a) Giải đơn:

- Giải nhất: 600.000 đồng
- Giải nhì: 500.000 đồng
- Giải ba: 400.000 đồng

b) Giải đôi:

- Giải nhất: 900.000 đồng
- Giải nhì: 700.000 đồng
- Giải ba: 500.000 đồng

IV. Một số chế độ khác:

1. Tiền thưởng các giải thể thao phong trào do các huyện, thị xã, thành phố tổ chức được áp dụng tối đa bằng 70% chế độ tiền thưởng quy định tại Mục III phụ lục này;

2. Trong quá trình tham gia giải, tiền ăn của trưởng đoàn và lái xe (nếu có) được áp dụng theo chế độ tiền ăn của vận động viên, huấn luyện viên.